**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN [1]  **[2] -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ... | *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...* |

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ quy định tại Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất, Thông tư số 12/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cá nhân hành nghề tư vấn định giá đất; khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá đất; căn cứ danh sách định giá viên và việc thay đổi, bổ sung danh sách định giá viên do tổ chức tư vấn xác định giá đất đăng ký, thay đổi, bổ sung, [2] lập danh sách tổ chức tư vấn xác định giá đất, định giá viên (đính kèm).

[2] kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến.

[2] trân trọng cảm ơn Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ... | **ĐẠI DIỆN** |

Ghi chú:

[1] Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

[2] Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai cấp tỉnh.

**DANH SÁCH TỔ CHỨC TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT**

*(kèm theo Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của [2])*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tổ chức tư vấn xác định giá đất** | **Loại hình (tổ chức/đơn vị sự nghiệp công lập)** | **Đủ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 162(1)** | **Năm đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá** | **Số lượng cá nhân đã được cấp thẻ Thẩm định viên về giá trong tổ chức** | **Tổng số lượng cá nhân đủ điều kiện hành nghề định giá đất trong tổ chức mà đã được đăng ký định giá viên** | | | **Tổng số lượng cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký, thay đổi, bổ sung** | | | |
| **Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận của Cơ sở đào tạo** | **Số lượng cá nhân đã được cấp Chứng chỉ định giá đất(2)** | **Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học(3)** | **Số lượng cá nhân được cấp Giấy Chứng nhận của Cơ sở đào tạo** | **Số lượng cá nhân đã được cấp Chứng chỉ định giá đất(2)** | **Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học(3)** | **Tổng** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(1) Đánh dấu X nếu tổ chức có đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, nếu đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

(2) Chứng chỉ định giá đất còn thời hạn và không thuộc trường hợp thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định của pháp luật.

(3) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mà chưa được cấp Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐỊNH GIÁ VIÊN**

*(kèm theo Công văn số... ngày ... tháng ... năm ... của [2])*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Số CMND/ CCCD/ HC/ ĐDCN** | **Ngày cấp** | **Nơi cấp** | **Loại Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận(1)** | | | **Mã Giấy Chứng nhận/ Số Chứng chỉ định giá đất/ Số Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học** | **Tên cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá đất** | **Khóa học** | **Tên trường đào tạo ngành/ chuyên ngành** | **Ngành/ chuyên ngành đào tạo** | **Ngày tốt nghiệp** | **Thời gian công tác thực tế theo ngành hoặc chuyên ngành đào tạo** | **Tên tổ chức tư vấn xác định giá đất** |
| **Giấy Chứng nhận của Cơ sở đào tạo** | **Chứng chỉ định giá đất(2)** | **Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học(3)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

-----------------------------

(1) Đánh dấu X vào loại Chứng chỉ, Giấy chứng nhận của cá nhân;

(2) Chứng chỉ định giá đất còn thời hạn và không thuộc trường hợp thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

(3) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mà chưa được cấp Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.